

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01– DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 – DNPNT)	8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	12

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 35/GPĐC13/KDBH được cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2017.

Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên số 35GP/KDBH cấp ngày 14 tháng 12 năm 2005.

Hội đồng Thành viên

Ông Alexandros Mandilas
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Ông David Knott

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)
Thành viên
(đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Ông Amit Suresh Chhallani

Người đại diện theo pháp luật

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh

Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Lầu 5, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 54. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Trần Văn Thắng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3586-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM15245
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		769.316.387.996	815.716.601.413
110	Tiền	3	56.766.141.789	86.578.690.475
111	Tiền		56.766.141.789	86.578.690.475
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		471.000.000.000	502.800.000.000
121	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	471.000.000.000	502.800.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		69.660.155.841	54.740.152.349
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		37.397.531.158	33.785.476.574
131.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	5	37.397.531.158	33.785.476.574
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		97.512.800	27.412.560
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		176.189.000	212.772.000
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	32.218.127.162	20.745.840.814
139	Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	7	(229.204.279)	(31.349.599)
150	Tài sản ngắn hạn khác		11.578.096.821	9.047.230.118
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	8.365.353.314	7.788.105.759
151.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		8.216.802.436	7.540.821.471
151.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác		148.550.878	247.284.288
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	-	869.366.779
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	3.212.743.507	227.742.580
158	Tài sản ngắn hạn khác		-	162.015.000
190	Tài sản tái bảo hiểm		160.311.993.545	162.550.528.471
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	92.279.011.768	98.967.310.028
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	68.032.981.777	63.583.218.443

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		322.144.690.481	196.732.216.754
210	Các khoản phải thu dài hạn		21.710.358.992	11.278.140.404
215	Phải thu về cho vay dài hạn		5.102.000	181.291.000
218	Phải thu dài hạn khác	6(b)	21.705.256.992	11.096.849.404
218.1	Ký quỹ bảo hiểm		6.000.000.000	6.000.000.000
218.2	Phải thu dài hạn khác		15.705.256.992	5.096.849.404
220	Tài sản cố định		1.495.360.717	2.027.173.773
221	Tài sản cố định hữu hình	9	1.495.360.717	2.027.173.773
222	Nguyên giá		13.347.820.748	12.947.788.223
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.852.460.031)	(10.920.614.450)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		2.376.474.202	2.376.474.202
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.376.474.202)	(2.376.474.202)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	47.982.078
250	Đầu tư tài chính dài hạn		295.500.000.000	179.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	295.500.000.000	179.500.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		3.438.970.772	3.878.920.499
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.897.751.655	2.020.814.257
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	1.541.219.117	1.858.106.242
270	TỔNG TÀI SẢN		1.091.461.078.477	1.012.448.818.167

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		398.825.795.678	368.992.158.097
310	Nợ ngắn hạn		391.780.628.737	362.607.523.528
312	Phải trả người bán ngắn hạn		105.495.576.542	78.094.388.949
312.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	10	81.836.524.239	61.334.170.092
312.2	Phải trả ngắn hạn khác cho người bán	11	23.659.052.303	16.760.218.857
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	5.343.911.602	4.678.930.045
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	10.825.506.867	11.648.864.404
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.311.424.126	1.121.864.891
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	2.608.895.695	3.082.349.760
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	28.733.778.873	30.685.915.758
329	Dự phòng nghiệp vụ		236.461.535.032	233.295.209.721
329.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	114.295.487.312	116.650.486.868
329.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	85.378.118.527	80.841.509.774
329.3	Dự phòng dao động lớn	16(b)	36.787.929.193	35.803.213.079
330	Nợ dài hạn		7.045.166.941	6.384.634.569
336	Dự phòng trợ cấp thất nghiệp		5.341.697.749	5.726.041.425
337	Dự phòng phải trả dài hạn		1.703.469.192	658.593.144
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		692.635.282.799	643.456.660.070
410	Vốn chủ sở hữu		692.635.282.799	643.456.660.070
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	1.126.099.400.000	1.126.099.400.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	19	14.212.776.408	11.753.845.272
421	Lỗi sau thuế lũy kế	19	(447.676.893.609)	(494.396.585.202)
421a	- Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước		(494.396.585.202)	(541.843.033.737)
421b	- Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối của năm nay		46.719.691.593	47.446.448.535
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.091.461.078.477	1.012.448.818.167

Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	189.010.110.174	168.248.959.013
12	Doanh thu hoạt động tài chính	48.476.846.325	27.065.316.373
13	Thu nhập khác	2.876.831.658	130.402.149
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(100.184.348.346)	(85.180.373.519)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(547.775.759)	(1.572.100.275)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(77.798.187.828)	(52.986.659.880)
24	Chi phí khác	(47.982.078)	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.785.494.146	55.705.543.861
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(12.289.984.292)	(7.620.020.066)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(316.887.125)	1.858.106.242
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	49.178.622.729	49.943.630.037

Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

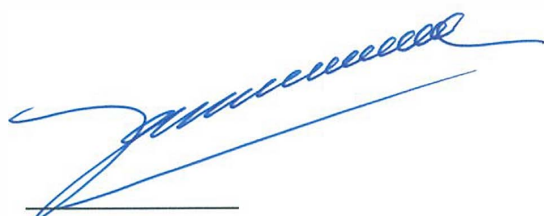
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)**PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01 Doanh thu phí bảo hiểm	21	389.939.862.788	368.723.679.763
01.1 Phí bảo hiểm gốc	21	360.543.919.739	348.825.279.295
01.2 Phí nhận tái bảo hiểm	21	27.040.943.493	36.573.213.257
01.3 Giảm/(tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	2.354.999.556	(16.674.812.789)
02 Phí nhượng tái bảo hiểm		(290.182.830.516)	(299.836.240.540)
02.1 Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	22	(283.494.532.256)	(309.729.318.298)
02.2 (Giảm)/tăng trong dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	(6.688.298.260)	9.893.077.758
03 Doanh thu phí bảo hiểm thuần		99.757.032.272	68.887.439.223
04 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		89.253.077.902	99.361.519.790
04.1 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23	87.769.545.283	97.188.244.425
04.2 Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.483.532.619	2.173.275.365
10 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		189.010.110.174	168.248.959.013
11 Chi phí bồi thường	24	(50.407.987.696)	(90.497.605.560)
11.1 Tổng chi bồi thường		(55.406.302.002)	(90.704.772.133)
11.2 Các khoản giảm trừ		4.998.314.306	207.166.573
12 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	23.938.213.242	79.061.756.199
13 (Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	(4.536.608.753)	2.208.691.632
14 Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	4.449.763.334	(8.489.916.108)
15 Tổng chi bồi thường bảo hiểm		(26.556.619.873)	(17.717.073.837)
16 Tăng dự phòng dao động lớn	16(b)	(984.716.114)	(756.691.743)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25	
		(72.643.012.359)	(66.706.607.939)
17.1	Chi hoa hồng bảo hiểm	(32.781.807.580)	(31.564.892.239)
17.2	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(39.861.204.779)	(35.141.715.700)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(100.184.348.346)	(85.180.373.519)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	88.825.761.828	83.068.585.494
23	Doanh thu hoạt động tài chính	48.476.846.325	27.065.316.373
24	Chi phí tài chính	(547.775.759)	(1.572.100.275)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(77.798.187.828)	(52.986.659.880)
30	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	58.956.644.566	55.575.141.712
31	Thu nhập khác	2.876.831.658	130.402.149
32	Chi phí khác	(47.982.078)	-
40	Lợi nhuận khác	2.828.849.580	130.402.149
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.785.494.146	55.705.543.861
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	28	
		(12.289.984.292)	(7.620.020.066)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17,28	
		(316.887.125)	1.858.106.242
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	49.178.622.729	49.943.630.037



Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.785.494.146	55.705.543.861	
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9	1.116.766.056	908.004.644
03	Tăng các khoản dự phòng	858.387.052	965.095.627	
	Dự phòng nghiệp vụ	5.404.860.237	13.819.651.250	
	Doanh thu/chi phí hoa hồng chưa thực hiện/ chưa phân bổ	(2.628.117.850)	1.468.081.989	
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(346.125.184)	925.064.825	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(47.906.520.938)	(25.967.688.776)	
07	Các khoản điều chỉnh khác	47.982.078	-	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	18.332.725.597	47.823.753.420	
09	Tăng các khoản phải thu	(6.784.578.929)	(4.518.242.268)	
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	31.988.635.145	(7.788.279.713)	
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	221.796.012	(15.613.858)	
15	Thuế TNDN đã nộp	(16.001.937.750)	(4.396.047.407)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	27.756.640.075	31.105.570.174	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(584.953.000)	(818.906.000)	
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.181.818	
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	(658.963.417.000)	(489.500.000.000)	
24	Tiền thu từ đáo hạn các khoản đầu tư	574.800.000.000	365.300.000.000	
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	27.185.476.020	26.033.596.164	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(57.562.893.980)	(98.982.128.018)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(29.806.253.905)	(67.876.557.844)	
60	Tiền đầu năm	3	86.578.690.475	154.496.952.134
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.294.781)	(41.703.815)	
70	Tiền cuối năm	3	56.766.141.789	86.578.690.475

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 32.

Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.